

**TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2017.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
giữa chị C và anh N*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vi Quốc Thanh.
2. Ông Đoàn Văn Lắm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 48/2017/TLST-HNGĐ, ngày 17/02/2017 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/6/2017. Giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều C, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Trú tại: ấp P, xã P1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoài N, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Trú tại: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 17/02/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều C trình bày: Chị C và anh N do mai mối nên tự nguyện tiến đến hôn nhân tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/3/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống ở ấp T, xã T1, thời gian hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh N thường hay nhậu nhẹt, mê chơi cờ bạc, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình; mặc dù chị và gia đình hai bên đã nhiều lần góp ý với anh N nhưng anh N vẫn không sửa đổi, khắc phục. Do đó, chị đã về nhà mẹ ruột sinh sống tại ấp P, xã P1, vợ chồng chị đã ly

thân từ năm 2012 đến nay. Chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên chị xin được ly hôn với anh N.

Về con chung: vợ chồng chị C có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 21/7/2011, hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hoài N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hoài N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị C và anh N là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kiều C và anh Nguyễn Hoài N trên cơ sở mai mối nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/3/2011. Quá trình hôn nhân của chị C và anh N tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Sau khi kết hôn chị C và anh N có thời gian sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị C xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị C cho rằng: nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh N thường hay nhậu nhẹt, mê chơi cờ bạc, không chăm lo phát triển kinh tế gia đình; mặc dù chị và gia đình hai bên đã nhiều lần góp ý với anh N nhưng anh N vẫn không sửa đổi, khắc phục; vợ chồng chị đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời chị C và anh N đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân của anh chị nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh N không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng với chị C, hơn nữa anh chị đã ly thân nhau từ năm 2012 và vẫn tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của chị C và anh N mâu thuẫn là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp.

[4] Về nuôi con chung: chị C và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 21/7/2011, hiện đang sống chung với chị C. Sau khi ly hôn, chị C yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu B đang sống chung với chị C nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu B, Hội đồng xét xử giao cháu B cho chị C được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Việc chị C không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: chị C trình bày là không có nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: chị C trình bày là không có nên không đề cập.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị C phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều C. Chị Nguyễn Thị Kiều C được ly hôn với anh Nguyễn Hoài N.

Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị Kiều C được trực tiếp nuôi con là Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 21/7/2011; anh Nguyễn Hoài N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: chị C trình bày là không có nên không xem xét.

Về nợ chung: chị C trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Kiều C phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000xxxx ngày 17/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên chị không còn phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Đạt**